

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (HỒ CHÍ MINH)

Giáo viên: Hoàng Nhung- 5star.edu.vn



Video Bài Giảng và Lời Giải chi tiết chỉ có tại website: online.5star.edu.vn



“...Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”

(Tuyên Ngôn Độc Lập)

I.KHÁI QUÁT CHUNG

1. Những chi tiết về tiểu sử, con người HCM ảnh hưởng đến sáng tác:

- Bác Hồ: 19/5/1890- 2/9/1969

a. Quê hương, gia đình

- Quê hương: Làng Kim Liên, xã Nam Đàn, tỉnh Nghệ An

+ Mảnh đất Nghệ An-Hà Tĩnh: mảnh đất địa linh nhân kiệt, đời nào cũng có anh hùng, danh nhân xuất hiện.

+ Tuy đất đai, thiên nhiên khắc nghiệt nhưng con người kiên cường, hiếu học

⇒ Môi trường văn hóa hun đúc nên con người HCM

- Gia đình:

+ Thân sinh là: cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là bà Hoàng Thị Loan

+ Các anh chị em trong gia đình là: Chị gái Nguyễn Thị Thanh (Bạch Liên nữ sĩ); Anh trai Nguyễn Sinh Khiêm (Thầy Nghệ), em trai Nguyễn Sinh Nhuận (không may mất sớm).

⇒ Gia đình có truyền thống cách mạng, yêu nước, là nền tảng cho học vấn và tâm hồn Nguyễn Ái Quốc (Học vấn, sự thanh liêm, yêu nước của cha và đức hi sinh, tâm hồn cao cả của mẹ.)

b. Cuộc đời:

- Những vần thơ ca ngợi cuộc đời Bác:

“Bác Hồ, Người là tình yêu thiết tha nhất
trong lòng dân và trong trái tim nhân loại.

Cả cuộc đời Bác chăm lo cho hạnh phúc nhân dân,
cả cuộc đời Bác hi sinh cho dân tộc Việt Nam.”

(Bác Hồ một tình yêu bao la- Thuận Yến)

⇒ Cuộc đời bốn ba khắp nơi hoạt động cách mạng, tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Là người anh hùng cứu nước, vĩ nhân thời đại.

- Cuộc đời chia 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1 (1911-1941): Thời kỳ hoạt động ở nước ngoài (tìm đường cứu nước, thành lập ĐCS Việt Nam, chuẩn bị cho CM tháng 8/1945)

+ Giai đoạn 2 (1941-1969): Thời kỳ Bác lãnh đạo Đảng, nhân dân làm CM T8 thành công thắng lợi; lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, xây dựng CNXH với tư cách Chủ tịch nước.

⇒ Cả cuộc đời của HCM là cuộc đời hoạt động cách mạng, ra bắc vào nam, bốn ba khắp năm châu bốn biển vì dân vì nước. Tác phẩm TNĐL được sáng tác trong giai đoạn thứ 2 (1941- 1969) của cuộc đời HCM.

“Bác để tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch chẳng vàng son
Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn trượng đồng phôi những lối mòn”

“Bác ơi tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông trọn kiếp người
(Bác ơi!- Tố Hữu)

c. Sự nghiệp văn học

- Quan điểm sáng tác:

+ Thứ nhất: Coi văn chương là vũ khí chiến đấu, thơ văn có chất “thép”:

“Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp

Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”

(Cảm tưởng đọc *Thiên gia thi*)

+ Thứ hai: Coi nghệ sĩ chính là chiến sĩ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy” (Thư gửi các họa sĩ nhân triển lãm hội họa 1951)

+ Thứ ba: Chú trọng đến tính chân thật và tính dân tộc của văn học.

+ Thứ tư: Khi cầm bút, bao giờ cũng xuất phát từ những câu hỏi: Viết cho ai? (Đối tượng); Viết để làm gì? (Mục đích); Viết cái gì? (Nội dung); Viết thế nào? (Hình thức)

⇒ Quan niệm của HCM về vai trò và sứ mệnh của nhà văn và văn chương; tính chất của văn chương đến phương pháp sáng tác đều là những quan niệm rất đúng đắn, tích cực. Những quan niệm này chi phối tất cả các tác phẩm văn học của Bác.

- Di sản văn học: “Lớn lao về tầm vóc, phong phú về thể loại, đa dạng về phong cách”.

+ Văn chính luận:

- Có các bài đăng trên các báo “Người cùng khổ”; “Nhân đạo” “Đời sống thợ thuyền”.
- Bản án chế độ thực dân Pháp (1925).
- Tuyên ngôn độc lập (1945)
- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946)
- Không gì quý hơn độc lập tự do (1966)

+ Truyện, ký: Truyện ngắn: Vi hành; Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu; Lời than vãn của bà Trưng Trắc.

+ Thơ ca:

- Tập “Nhật ký trong tù”: 133 bài, khi bị giam ở Quảng Tây.

- Các chùm thơ HCM: làm ở Việt Bắc thời kháng chiến chống Pháp (Cảnh Khuya, Rằm tháng giêng...)

- Phong cách nghệ thuật

+ Văn chính luận:

- Ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lý lẽ đanh thép, bằng chứng thuyết phục, giàu tính luận chiến, đa dạng bút pháp. Nhưng vẫn thấm đượm tình cảm, giàu hình ảnh.
- Giọng văn đa dạng, linh hoạt: Khi ôn tồn, thấu tình đạt lý; khi đanh thép, mạnh mẽ, hùng hồn.

+ Truyện và ký: Tính chiến đấu mạnh mẽ + Nghệ thuật trào phúng sắc sảo

+ Thơ: Giản dị, mộc mạc, dễ nhớ, mạng màu sắc cổ điển và hiện đại. Gợi nhiều hơn tả, thanh đạm, trầm lắng, không phô diễn.

⇒ Ngắn gọn trong sáng tác, giản dị, linh hoạt trong thủ pháp, bút pháp nhằm thể hiện nhuần nhị, sâu sắc tư tưởng, tình cảm của HCM.

2. Về tác phẩm

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Khi nhân dân ta dành được thắng lợi trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8.
- 26/8/1945: HCM từ Việt Bắc về Hà Nội, 28/8/1945 tại ngôi nhà số 48 Hàng Ngang Bác đã soạn bản Tuyên Ngôn Độc Lập.
- 2/9/1945: Trước mặt toàn thể quốc dân đồng bào, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, HCM đọc bản tuyên ngôn.
- Ra đời trong lúc đất nước vừa được dành được độc lập, nhưng các thế lực thù địch và chống phá vẫn đang âm mưu thôn tính và xâu xé nước ta: Ở phía Bắc Quân Tưởng và tay sai của Mỹ chực sẵn ở biên giới; Ở phía Nam quân Anh và Lính viễn chinh Pháp âm mưu chuẩn bị cuộc xâm lược nước ta lần thứ 2.

b. Đối tượng:

- Đồng bào cả nước
- Các nước trên thế giới (đặc biệt là các nước thuộc địa, nhân dân yêu chuộng hòa bình)
- Phe đồng minh Anh, Pháp, Mỹ (đặc biệt là Pháp)

c. Mục đích:

- Tuyên bố độc lập dân tộc
- Tranh luận ngầm, bác bỏ luận điệu “kẻ cướp” của TD Pháp.

d. Nội dung chính (bổ cục)

- Khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam trên cơ sở chân lý, lẽ phải không thể chối cãi. (phần 1)
- Lên án, tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương. (phần 2)
- Lời tuyên bố độc lập và sự khẳng định quyết tâm chiến đấu của ta để giữ vững chủ quyền và nền độc lập. (phần 3)

II. ĐỌC- HỂU VĂN BẢN

Chú ý: Với một tác phẩm chính luận thì cách tiếp cận tối ưu nhất sẽ là chứng minh sức thuyết phục của tác phẩm ấy.

1. Nghệ thuật lập luận của Hồ Chí Minh trong đoạn mở đầu- Cơ sở pháp lý của bản Tuyên ngôn

a/ Trình tự lập luận:

-(1) Trích dẫn bản tuyên ngôn của Mỹ năm 1776: *“Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”*

- (2) Nêu ý kiến “suy rộng ra”

- (3) Trích dẫn bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791: *“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”*

- (4) Cuối cùng kết luận: *“Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.”*

=> Trình tự lập luận chặt chẽ, đem đến những hiệu quả đặc biệt

b/ Hiệu quả:

- Thứ nhất: Tạo vị thế ngang hàng cho cách mạng Việt Nam và cách mạng Mỹ, Pháp:
 - +Ba cuộc cách mạng có giá trị ngang hàng nhau, 3 quốc gia dân tộc có vị thế ngang hàng nhau => 3 bản tuyên ngôn có giá trị, vị thế ngang nhau.
 - + Nâng cao tầm vóc của Việt Nam trên trường Quốc tế.
- Thứ 2: Kín đáo thể hiện niềm tự hào dân tộc: khi cách mạng Việt Nam cùng lúc làm được hai nhiệm vụ của hai cuộc cách mạng kia:
 - Nhiệm vụ dân tộc: giải phóng dân tộc của Mỹ -1776
 - Nhiệm vụ dân chủ: Cách mạng tư sản Pháp- 1789
- Thứ 3: Tạo cơ sở pháp lý vững vàng, chắc chắn cho tuyên ngôn của Việt Nam.

+ Vì: Những trích dẫn của HCM là những lời bất hủ trong Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ. Những lời bất hủ ấy đã được thế giới công nhận.

+ Nên: Chúng trở thành những cơ sở pháp lý vững vàng, mang tầm quốc tế cho nước ta. Nền độc lập được tuyên bố của ta cũng vì thế mà không ai có thể phủ nhận được.

- Thứ 4: Thể hiện nghệ thuật lập luận “khéo léo mà kiên quyết” của HCM (GS. Nguyễn Đăng Mạnh)

+ Khéo léo vì: Thể hiện thái độ trân trọng những cuộc cách mạng của Mỹ, Pháp khi đặt họ lên trên. Hàm ý: VN sẵn sàng tiếp thu những tiến bộ của những cuộc cách mạng tiên tiến đó.

+ Sắc sảo, kiên quyết vì: Cảnh cáo gián tiếp Pháp, Mỹ trong âm mưu xâm lược VN: Nếu Pháp và Mỹ còn âm mưu xâm lược VN tức nghĩa phản bội chính lý tưởng cao quý của tổ tiên mình, chà đạp, vấy bẩn lên lá cờ tam tài “tự do, bình đẳng, bác ái” của chính tổ tiên mình.

- Câu cuối cùng của phần mở đầu:

+ Thủ pháp: “gậy ông đập lưng ông” đem lại hiệu quả mạnh mẽ, đích đáng.

+ Đại từ phiếm chỉ “ai” mang tính luận chiến rõ nét kết hợp với từ phủ định “không” đã cảnh cáo chính Pháp và Mỹ và sự chắc chắn, đúng đắn tuyệt đối của nhận định nêu ra.

c/ Ý kiến “suy rộng ra” của HCM và những luận bàn, mở rộng nhận thức

- Ý kiến suy rộng ra xuất hiện sau khi Bác trích dẫn lời tuyên ngôn độc lập của Mỹ bàn về quyền con người.

+ Tuyên ngôn Mỹ: “ *Tất cả mọi người sinh đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.*”

+ ý kiến suy rộng ra: “*câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do*”

- Ý kiến có ý nghĩa lớn về mặt nhận thức: Từ quyền con người Bác đã suy rộng ra quyền dân tộc:

+ Nếu mỗi con người khi sinh ra đều có quyền bình đẳng mà không ai có thể xâm phạm được là quyền: được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc.

+ Thì tất yếu: dân tộc cũng sẽ có những quyền tất yếu và không ai có thể xâm phạm.

- ⇒ Nhận thức mới mẻ ấy có vai trò như phát súng khởi đầu cho bão táp cách mạng của các nước thuộc địa nửa sau TK XX” (GS. Nguyễn Đăng Mạnh), đóng góp lớn lao về vấn đề nhận thức, động lực cho các nước thuộc địa vùng lên đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Đặc biệt lời luận bàn, ý kiến suy rộng ra được tuyên bố khi Việt Nam chưa có tên trên bản đồ thế giới này đã thể hiện bản lĩnh, tư duy lý luận sắc sảo, sáng tạo của HCM.

***Tiểu kết:**

Ngay từ phần mở đầu của bản Tuyên ngôn, nhờ trình tự lập luận hợp lý, chặt chẽ, cách trích dẫn vừa kiên quyết vừa khéo léo, HCM đã đưa ra những cơ sở pháp lý vững vàng để làm nền tảng cho những phần tiếp theo của bản Tuyên ngôn.

2. Nghệ thuật lập luận trong phần 2- Bản cáo trạng đanh thép về tội ác của thực dân Pháp.

a/ Chú ý:

- Để chuẩn bị cho cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ 2, Pháp đã đưa ra một chiêu bài rất dễ đánh lừa công luận Quốc tế: Pháp có công khai hóa Đông Dương, đây vốn là đất bảo hộ của Pháp bị Nhật chiếm, nay Nhật đã đầu hàng đồng minh, Pháp đương nhiên có quyền quay trở lại Đông Dương thay thế quân đội Nhật.

- Phần thứ 2 của tác phẩm chính là bản cáo trạng đanh thép của HCM về tội ác của thực dân Pháp. Đồng thời cũng là một cuộc tranh luận nhằm bác bỏ hoàn toàn những luận điệu “kẻ cướp” xảo trá của thực dân Pháp

b/ Lập luận bác bỏ các luận điệu “kẻ cướp” của Pháp

b.1 Thực dân Pháp đã lừa bịp thế giới bằng lá cờ “tự do- bình đẳng- bác ái” khi đến cướp Việt Nam. Vì thế bản Tuyên ngôn đã lần lượt đưa ra những bằng chứng cho thấy lời nói và hành động của Pháp là hoàn toàn trái ngược nhau:

*** Lập luận bác bỏ luận điệu “tự do” “bình đẳng” “bác ái”**

- Việt Nam không hề có tự do khi:
 - + “chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào”
 - + “chúng thi hành những luật pháp dã man”
 - + “chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết”
 - + “chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học”
- Cách sử dụng dày đặc các động từ và các tính từ chỉ mức độ như:

+ Các tính từ: “tuyệt đối”, “dã man”, “nghèo nàn”, “thiếu thốn”, “xơ xác”, “tiêu điều”, “tàn nhẫn”...

+ Các động từ: “lợi dụng”, “thi hành”, “ngăn cản”, “lập ra”, “lập”, “chém giết”, “tắm”, “ràng buộc”, “bóc lột”, “khiến”, “cướp”, “giữ”, “đặt ra”...

→ Các tính từ, động từ đã cho thấy hành động cố tình, cố ý, ngang ngược, chủ động, toan tính và sự dã man của thực dân Pháp với nhân dân ta

***Lập luận bác bỏ luận điệu “bình đẳng” (công bằng)**

- Việt Nam không hề có bình đẳng khi:

+ Chúng giữ độc quyền tất cả những ngành kinh tế yết hầu: in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng.

+ Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng

+ Không cho tư sản nước ta được ngóc đầu lên

***Lập luận bác bỏ luận điệu “bác ái”**

- Bác ái là tình yêu thương con người với con người, nhân dân ta không được hưởng sự bác ái mà ngược lại còn phải chịu sự đàn áp đẫm máu, dã man:

+ Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu

+ Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta

b.2 Bác bỏ luận điệu “khai hóa văn minh”

- Khai hóa văn minh là đem văn minh đến, khai mở văn minh cho một vùng đất, làm cho nơi ấy dân giàu nước mạnh, thì Pháp hoàn toàn không thực hiện được điều đó. Bởi:

+ Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học

+ Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

+ Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu

+ Chúng bóc lột nhân dân ta bằng hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

b.3 Bác bỏ luận điệu “bảo hộ”

- Bảo hộ là bảo vệ, che chở, không để làm tổn hại, Pháp không hề làm được điều này, thậm chí: Trong 5 năm Pháp đã 2 lần bán nước ta cho Nhật: Pháp không những không bảo vệ được chủ quyền cho VN mà còn hèn hạ bán nước ta cho Nhật:

- + Lần 1: Mùa thu năm 1940: Khi Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp đã hèn hạ không thể đánh đuổi được mà dâng nước ta cho Nhật
- + Lần 2: 9/3/1945: Pháp bị Nhật hất cẳng khỏi Đông Dương
- Động từ “bán”: Đã phủ nhận hoàn toàn việc bảo hộ của Pháp với ta, khẳng định Pháp không có tư cách, vai trò bảo hộ của chúng.

b.4 Bác bỏ luận điệu là thuộc địa của Pháp, Pháp có quyền quay trở lại Đông Dương

- HCM đưa ra những cứ liệu:
- + Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không là thuộc địa của Pháp nữa
- + Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp
- Sự thật lịch sử hiển nhiên được thể hiện trong cấu trúc điệp cú pháp làm tăng thêm sự thuyết phục hùng hồn cho lí lẽ

b.5 Bác bỏ luận điệu Pháp là phe Đồng Minh chống Nhật

- Bản Tuyên ngôn chỉ rõ Pháp là kẻ đã phản bội Đồng Minh, đã 2 lần bán nước ta cho Nhật.
- + Phản bội Đồng Minh lần 1: mùa thu năm 1940
- + Phản bội Đồng Minh lần 2: 3/1945
- ⇒ Pháp không còn tư cách nào để nhân danh Đồng Minh tuyên bố bất cứ điều gì ở Việt Nam.
- Trong khi đó, Việt Minh (Việt Nam) lại đứng hẳn về phe Đồng Minh, lãnh đạo cuộc kháng chiến đứng lên đánh Nhật giải phóng đất nước.
- + Từng nhiều lần kêu gọi Pháp liên minh lại cùng chống Nhật nhưng Pháp không những không đáp ứng mà còn thẳng tay khủng bố Việt Minh
- + Khi Pháp thua trận còn thẳng tay chém giết nốt số đồng tù chính trị của ta ở Yên Bái và Cao Bằng
- ⇒ Những cứ liệu lịch sử hùng hồn đã phủ định sạch trơn vai trò Đồng Minh của Pháp.

3. Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập

- Phép lập luận tăng cấp, lời tuyên bố hùng hồn:
“Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập.”

+ Giọng điệu: hùng hồn, mạnh mẽ

+ đại từ nhân xưng: “chúng tôi” => lời tuyên bố hùng hồn cho cả dân tộc

- Ý chí bảo vệ nền độc lập:

“Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”

III. Giá trị lịch sử và giá trị văn học của bản Tuyên ngôn:

1. Giá trị lịch sử:

- Là văn kiện lịch sử quý giá, bất hủ, thiêng liêng, quan trọng đúc kết khát vọng của nhân dân ta gần 1 thế kỉ
- Là kết quả tất yếu của quá trình đấu tranh
- Mở ra kỉ nguyên mới cho đất nước, kỉ nguyên nhân dân được làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời

2. Giá trị văn học:

- Về nội dung:
 - + Là áng văn chương yêu nước lớn của thời đại cách mạng
 - + Là áng văn chương thấm đẫm tư tưởng nhân văn
- Về nghệ thuật: Là áng văn chính luận mẫu mực
 - + Dung lượng: ngắn gọn, cô đọng, hàm súc mà bao chứa được những nội dung lớn về lí trí và nhận thức, lại vẫn có những tác động về tình cảm
 - + Kết cấu: rành mạch, rõ ràng
 - + Hệ thống lập luận chặt chẽ; lí lẽ đanh thép; dẫn chứng hùng hồn xác thực
 - + Ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu: phù hợp với đối tượng và mục đích.
- Sử dụng đại từ nhân xưng:
 - ✓ “Chúng”: để chỉ Pháp, chỉ số đông nhưng chỉ dùng 1 đại từ
 - ✓ “đồng bào ta”, “dân ta”, “dân tộc ta”, “nòi giống ta”, “các nhà tư sản ta”, “dân cày và dân buôn” : để chỉ ta, Bác dùng tập hợp đại từ ngôi 3 gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội của ta.
- ⇒ Không có một thành phần nào, không một giai cấp và tầng lớp nào của ta là không là đối tượng bóc lột của Pháp.
- ⇒ Dân ta có chung 1 kẻ thù, tội ác của kẻ thù chồng chất với mọi thành phần, mọi tầng lớp xã hội của ta.

- Giản dị, trong sáng, dễ hiểu, phù hợp với đối tượng:
 - ✓ “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”
 - # “Đó là những lí lẽ không ai khước từ được”
- ⇒ Phù hợp với nhân dân ta thời điểm mà trình độ văn hóa còn thấp.
- Về hình ảnh: giàu sức gợi hình gợi cảm
 - ✓ “Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”
- ⇒ Nổi xót xa trước những cuộc khởi nghĩa của ta bị Pháp đàn áp dã man, khiến cho người nghe, người đọc cũng phần nộ, căm tức.
- Về giọng điệu:
 - Khi đánh thép kết án tội ác của Pháp
 - Khi trầm lắng xót xa trước nỗi đau của nhân dân
 - Khi giễu cợt, khinh bỉ sự hèn hạ của kẻ xâm lược
 - Khi tự tin, kiên quyết, khẳng khái tuyên bố độc lập.
- ⇒ Bản lĩnh và tầm vóc của HCM đã gây được niềm tin lớn lao nơi người nghe, người đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo Dục, 2008.
2. TS. Trịnh Thu Tuyết, *Tài liệu ôn thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn từ năm 2015*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
3. Nguyễn Đăng Mạnh, *Văn chính luận ở Tuyên Ngôn Độc Lập*, Tuyển tập 15 năm tạp chí văn học và tuổi trẻ, tập hai “Đi tìm vẻ đẹp văn chương”, NXB Giáo Dục, 2008.
4. Nguyễn Văn Đường (Chủ biên), Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12, tập 1, NXB Hà Nội, 2012.
5. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Ôn tập môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2015.
6. Nguyễn Duy Kha (Chủ biên), Bộ đề môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, NXB GD Việt Nam, 2016
7. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Đồng chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2008.

Hữu trí tất thành, toàn tâm tất đạt

PHỤ LỤC

1. Cuộc đời hoạt động cách mạng của HCM

- + 5/6/1911: Rời bến cảng nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước, chọn nước Pháp là điểm đến đầu tiên.
- + 1919: Gửi tới Hội nghị Véc-xây “Bản yêu sách tám điểm của nhân dân An Nam”
- + 1920: Dự Đại hội Tua và trở thành một trong những thành viên sáng lập ĐCS Pháp, từ một thanh niên yêu nước NAQ trở thành người chiến sĩ cộng sản.
- + 1923- 1941: Hoạt động chủ yếu ở Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.
- + 1925: Thành lập Hội VNCM TN; Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức A Đông.
- + 1930: Chủ trì hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước tại Hương Cảng (Hồng Kông) và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng.
- + 2/1941: Về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng trong nước
- + 8/1942: Sang Trung Quốc, tranh thủ sự viện trợ quốc tế. Khi tới Túc Vinh (thuộc huyện Tĩnh Tây) bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ, bị giam 13 tháng, trải qua 18 nhà tù của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.
- + Trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng, chiến đấu và giành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945.

2. Tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp

Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) gồm 12 chương, tố cáo tội ác của thực dân Pháp: bắt ép dân bản xứ đổ máu trong CTTG thứ I; bóc lột, đầu độc nhân dân thuộc địa bằng sưu thuế, rượu, thuốc phiện; tổ chức bộ máy cai trị bất chấp công lý và nhân quyền. Tác phẩm lôi cuốn vì những sự việc chân thực, cứ liệu phong phú, chính xác và thái độ, tình cảm mãnh liệt, sâu sắc của tác giả, cùng nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo, trí tuệ.